**NGÂN HÀNG ĐẶT TÊN ĐƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BẢN TỈNH**

*(Kèm theo Đề án)*

**I. PHẦN ĐÃ SỬ DỤNG ĐỂ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG**

 **1. Tên các vị vua (xếp theo vần a, b, c)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN DANH NHÂN** | **TÓM TẮT TIỂU SỬ** | **GHI CHÚ** |
|  | **Mai Hắc Đế** | Mai Hắc Đế, tên thật là Mai Thúc Loan quê gốc xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, về sau chuyển sang huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An sinh sống. Mai Thúc Loan là người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hoan Châu chống lại ách thống trị của nhà Đường thế kỉ thứ 8. Sau khi lên ngôi vua, hiệu xưng là Mai Hắc Đế. Hiện nay tại xã Mai Phụ, huyện Lộc Hà còn đền thờ ông. |  |
|  | **Lê Đại Hành** | Lê Đại Hành (941 – 1005), tên thật là Lê Hoàn, quê ở Ái Châu (Thanh Hóa); là vị vua sáng lập nhà Tiền Lê. Vua Lê Đại Hành có công lớn trong cuộc chống quân xâm lược Tống lần thứ nhất, góp phần giữ gìn và củng cố nền độc lập dân tộc. Ông đưa quân đi đánh Chiêm Thành thu về vùng đất từ Hoành Sơn (Kỳ Anh) đến Nam Giới (Thạch Hà); sau đó ông giao cho Ngô Tử An mở con đường từ núi Nam Giới đến Hoành Sơn để thuận tiện cho việc giao thương và bảo vệ biên giới phía nam Đại Việt. |  |
|  | **Nguyễn Huệ** | Nguyễn Huệ - Quang Trung (1753 – 1792): Ông là người lãnh đạo của cuộc khởi nghĩa Tây Sơn chấm dứt cuộc nội chiến giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn xóa bỏ chia cắt Đàng Trong – Đàng Ngoài kéo dài suốt 2 thế kỷ. Đặc biệt, ông đã lãnh đạo phong trào đánh bại các cuộc xâm lược của Xiêm La từ phía nam, Mãn Thanh từ phía Bắc góp phần bảo vệ độc lập dân tộc. Quang Trung - Nguyễn Huệ là vị vua xuất sắc trong các lĩnh vực: quân sự, chính trị, ngoại giao đưa ra nhiều cải cách kinh tế, xã hội nổi bật vào thế kỷ 18. |  |
|  | **Hồ Qúy Ly** | Hồ Quý Ly (1336 – ?), quê huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa, là vị vua đầu tiên của triều đại nhà Hồ. Hồ Qúy Ly ở ngôi vị Hoàng đế từ năm 1400 đến năm 1401, sau đó truyền ngôi cho con Hồ Hán Thương và làm Thái thượng hoàng. Đến năm 1407, sau khi thất bại trong việc chống giặc Minh, Hồ Quý Ly chạy vào núi Thiên Cầm (nay là thị trấn Thiên Cầm) và bị bắt. Đến nay trên núi Thiên Cầm vẫn còn hang gọi là hang Hồ Quý Ly.  |  |
|  | **Hàm Nghi** | Hàm Nghi (1872-1943) là vị vua thứ 8 của nhà Nguyễn. Năm 1884, Hàm Nghi lên ngôi Vua ở tuổi 13. Năm 1885, khi cuộc phản công chống Pháp tại kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết đưa nhà vua ra Tân Sở (Quảng Trị) sau đó là Hương Khê (Hà Tĩnh) phát hịch Cần Vương kêu gọi văn thân, sĩ phu giúp vua, cứu nước. Năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt, ông bị đưa đi an trí ở An giê ri và mất năm 1943. Hàm Nghi là vị vua yêu nước trong thời kỳ Pháp đô hộ nước ta.  |  |
|  | **Lê Thái Tổ** | Lê Lợi (1385 – 1433), quê tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá. Mùa xuân năm Mậu Tuất (1418), Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa ở Lam Sơn, xưng là Bình Định Vương, kêu gọi nhân dân đứng lên đánh đuổi giặc Minh cứu nước. Từ năm 1425 nghĩa quân Lam Sơn đã chuyeern vào Xứ Nghệ tìm đất đứng chân, xây dựng lực lượng, hiện nay trên địa bàn Hà Tĩnh còn lưu lại một số dấu tích của nghĩa quân Lam Sơn như: căn cứ Đỗ Gia, thành Lục Niên.  |  |
|  | **Lê Thánh Tông** | Lê Thánh Tông (1442 – 1497) là vị Hoàng đế nhà Lê Sơ thế kỷ XV. Dưới sự trị vì của ông, Đại Việt đã phát triển rực rỡ về kinh tế, văn hóa- xã hội, giáo dục và quân sự. Các thành tựu của đất nước dưới triều vua Lê Thánh Tông đã đưa Đại Việt trở thành cường quốc trong khu vực. Đối với vùng đất Hà Tĩnh, vua Lê Thánh Tông đã lưu lại nhiều dấu ấn khi ông đi qua Cửa Hội, Cửa Sót và Cửa Khẩu và ông có nhiều thơ viết về Hà Tĩnh. |  |
|  | **Trần Duệ Tông** | Trần Duệ Tông (1337 – 1377): Là vị vua thứ 9 của triều Trần, lên ngôi khi đất nước rơi vào khủng hoảng suy yếu nên ông mong muốn chấn hưng quốc gia, khôi phục sức mạnh quân đội, ổn định trật tự xã hội. Do Đại Việt thường xuyên bị Chiêm Thành xâm lấn, nên năm 1377, Duệ Tông mang quân đi đánh dẹp và bị tử trận tại kinh thành Đồ Bàn của Chăm pa. |  |
|  | **Hùng Vương** | Hùng Vương: Vào thời sơ sử, vùng đất Hồng Lĩnh gắn với truyền thuyết Kinh Dương vương (cha của Long Vương tức Hùng Vương thứ nhất) xây dựng kinh đô Ngàn Hống của nhà nước Việt Thường thị. Ngoài ra, một sự tích khác là Vua Hùng thứ mười ba trong chuyến tuần du phương Nam khi đến vùng đất Thiên Cầm, nhà Vua nghe tiếng gió reo trong trẻo như tiếng đàn trời, đã đặt tên cho ngọn núi là Thiên Cầm, nghĩa là “Đàn trời”, sự tích và tên gọi này được lưu truyền đến ngày nay. |  |

**2. Tên các lãnh tụ của Đảng (xếp theo vần a, b, c)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN DANH NHÂN** | **TÓM TẮT TIỂU SỬ** | **GHI CHÚ** |
|  | **Trường Chinh** | Trường Chinh (1907- 1988): quê huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, ông được chỉ định vào Ban cổ động và tuyên truyền của Trung ương Đảng. Năm 1941, ông được bầu làm Tổng Bí thư, kiêm Trưởng ban Tuyên huấn, Trưởng ban Dân vận Trung ương, chủ bút nhiều tờ báo của Đảng. Đến tháng năm 1986, ông tiếp tục được bầu giữ chức Tổng Bí thư lần thứ 2. Trường Chinh là người có nhiều cống hiến đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.  |  |
|  | **Lê Duẩn** | Lê Duẩn (1907 – 1986): Quê gốc ở làng Phương Cai, xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, ông sinh ra tại tỉnh Quảng Trị. Lê Duẩn là Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Lao động Việt Nam từ năm 1960 đến 1976, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1976 đến 1986. Tại xã Cẩm Mỹ có một ngôi đền thờ Lê Duẩn được xây dựng để tưởng nhớ công lao của ông đối với đất nước và với sự nghiệp xây dựng hồ Kẻ Gỗ. |  |
|  | **Võ Văn Kiệt** | Võ Văn Kiệt (1922 – 2008) quê xã Trung Hiệp, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông giữ chức Thủ tướng Chính phủ từ năm 1991 đến năm 1997, là người đã đẩy mạnh công cuộc Đổi mới và cải cách ở Việt Nam. Thủ tướng Võ Văn Kiệt là "Tổng công trình sư" nhiều dự án thời kỳ Đổi mới như: đường Hồ Chí Minh, đường dây 500KV Bắc - Nam và khởi đầu cho việc hình thành Khu kinh tế Vũng Áng. |  |
|  | **Trần Phú** | Trần Phú (1904 – 1931), quê quán xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, là Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng. Năm 1930, ông được cử vào Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Đông Dương và được giao nhiệm vụ Dự thảo bản Luận cương Chính trị của Đảng. Tháng 10/1930, Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng, Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư. Ngày 19/4/1931 bị Pháp bắt; tháng 9/1931, bị bệnh nặng và mất trong nhà tù. |  |
|  | **Lê Hồng Phong** | Lê Hồng Phong (1902 – 1942): Quê xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ông là Tổng Bí thư thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1935 đến năm 1936. Ngày 6/9/1942, ông qua đời trong lúc bị giam cầm trong nhà tù Côn Đảo. |  |
|  | **Hà Huy Tập** | Hà Huy Tập (1906 - 1941): Quê ở xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, ông tham gia Hội Phục Việt về sau tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Năm 1929, ông sang Liên Xô, học trường Đại học Phương Đông và được kết nạp vào Đảng Cộng sản toàn liên bang (Bôn-sê-vích). Trong thời gian này ông đã soạn thảo "Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương" và "Sơ thảo lịch sử phong trào Cộng sản ở Đông Dương". Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng thời kỳ 1936 - 1938. Ngày 30/3/1940 ông bị địch bắt, bị kết án 5 năm tù, sau thực dân Pháp xử bắn tại Hóc Môn – Sài Gòn năm 1941. |  |
|  | **Nguyễn Tất Thành** | Hồ Chí Minh (1890 -1969) tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sinh tại làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Năm 1901, Người bắt đầu dùng tên gọi là Nguyễn Tất Thành. Năm 1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước. Sau 30 năm bôn ba hải ngoại (1911 – 1941), Người đã tìm ra con đường giải phóng dân tộc, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (2/9/1945). Cuộc đời Nguyễn Tất Thành - Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiến dâng cho tổ quốc và dân tộc. Người là anh hùng giải phóng dân tộc, lãnh tụ vĩ đại và danh nhân văn hóa. |  |

 **3. tên các nhân vật lịch sử - văn hóa (xếp theo vần a, b, c)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN DANH NHÂN** | **TÓM TẮT TIỂU SỬ** | **GHI CHÚ** |
|  | **Phạm Đình Ban** | Phạm Đình Ban, quê quán xã Hòa Hải huyện Hương Khê. Ông tham gia phong trào Cần Vương chống thực dân Pháp, ông được Phan Đình Phùng giao trọng trách chỉ huy nghĩa quân Hương Khê. Trong một trận chiến đấu không cân sức với giặc, ông đã hy sinh tại chiến trận. Thi hài của ông bị thất truyền, về sau dòng họ đã làm mộ tưởng niệm và lập đền thờ phụng tại quê nhà.  |  |
|  | **Lê Sỹ Bàng** | Lê Sỹ Bàng (1704-1752) quê xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ. Trong thời gian làm quan Lê Sỹ Bàng đã có những đóng góp cho trong việc giữ ổn định miền biên cương phía Bắc của Đại Việt. Ngoài ra, Lê Sỹ Bàng còn đóng góp cho đất nước trên lĩnh vực giáo dục, khoa cử, khảo hạch lựa chọn lựa nhân tài cho đất nước. |  |
|  | **Mai Lão Bạng** | Mai Lão Bạng (1866 - 1942) sinh ra trong một gia đình Công giáo làng Quảng Ích, xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh, ông tham gia các phong trào Duy Tân, phong trào Đông Du và Việt Nam Quang phục Hội. Cuối năm 1904 đầu năm 1905, tham gia tổ chức cách mạng lấy tên là “Duy Tân giáo đồ hội”, hoạt động theo tôn chỉ của Hội Duy Tân do Phan Bội Châu lãnh đạo. Hội đã đóng vai trò quan trọng trong việc xóa bỏ hận thù Lương-Giáo và quy tụ được nhiều giáo dân tham gia phong trào Duy Tân. Tháng 10 năm 1942, Mai Lão Bạng qua đời tại Vinh. |  |
|  | **Nguyễn Trọng Bình** | Nguyễn Trọng Bình (1898-1931): Đảng viên Đảng cộng sản đầu tiên ở Kỳ Anh. Tháng 6-1930, Huyện ủy lâm thời Kỳ Anh được thành lập, Nguyễn Trọng Bình được phân công làm tổng chỉ huy cuộc biểu tình trên toàn huyện vào ngày 9-9-1930. Không lâu sau đó, ông bị bắt, ngày 2-1-1931, thực dân Pháp không xét xử, đưa ông về chém ở huyện lỵ. |  |
|  | **Nguyễn Biên** | Nguyễn Biên, quê xã Hồng Lộc huyện Lộc Hà, sau đó ông đã đưa gia đình vào lập nghiệp tại động Choác, huyện Cẩm Xuyên. Tại đây, Nguyễn Biên đã tổ chức khai hoang, tích trữ lương thực, xây dựng lực lượng để chống giặc Minh. Năm 1425, Bình Định vương Lê Lợi vào lập căn cứ ở Đỗ Gia, Nguyễn Biên đã đưa toàn bộ lực lượng gia nhập nghĩa quân Lam Sơn, được phong là Bình Ngô Thượng tướng quân, tham gia chỉ huy nhiều trận đánh. Năm 1427 trong một trận chiến đấu ông bị thương nặng và mất. Sau khi mất nhân dân lập đền thờ ở xã Cẩm Huy gọi là đền Thượng Tướng. |  |
|  | **Nguyễn Biểu** | Nguyễn Biểu (? - 1413): quê xã Yên Hồ, Đức Thọ. Ông thi đỗ Thái học sinh (Tiến sĩ) cuối thời Trần. Khi quân Minh xâm lược nước ta, ông phò vua Trần Trùng Quang Đế (1409-1413) tổ chức cuộc kháng chiến. Năm 1413, quân Minh đánh vào Nghệ An, Trùng Quang Đế sai ông đi sứ, thực hiện kế hoãn binh, kéo dài thời gian để cho Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị xây dựng binh lực. Tướng nhà Minh là Trương Phụ tiếp sứ thần khinh bạc, ngạo mạn, sai dọn ra một mâm cỗ chỉ có một cái đầu người, ép Nguyễn Biểu ăn để thị oai, nhưng ông không hề nao núng mà ăn hết mâm cỗ đầu người. Câu chuyện chứng tỏ khí tiết của Nghĩa vương Nguyễn Biểu không chịu khuất phục trước sức mạnh của kẻ thù. Sau khi ông bị giặc sát hại, nhân dân tưởng nhó đã lập đền thờ gọi là đền Nghĩa Vương. |  |
|  | **Phan Bội Châu** | Phan Bội Châu (1867-1940) quê Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Phan Bội Châu là người thành lập Duy Tân Hội và khởi xướng phong trào Đông Du với mục đích học tập Nhật Bản để đánh đuổi thực dân Pháp. Phan Bội Châu đã tổ chức, tập hợp 200 lưu học sinh Việt Nam sang Nhật học tập chính trị, khoa học, quân sự để về cứu nước. Năm 1925, thực dân Pháp đã bắt Phan Bội Châu giam lỏng ở Bến Ngự- Huế, năm 1940 cụ Phan Bội Châu qua đời. |  |
|  | **Nguyễn Thị Bích Châu** | Nguyễn Thị Bích Châu (? – 1377): quê xã Bảo Lộc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, là cung phi của vua Trần Duệ Tông. Nguyễn Thị Bích Châu là người phụ nữ có tài thao lược, bà đã dâng thảo bản “Kế minh thập sách” lên nhà vua, bàn kế trị nước được vua khen là thông tuệ. Năm 1377, bà theo vua Duệ Tông đem quân đi đánh Chiêm Thành và bị tử trận tại Đồ Bàn trong trận đánh với quân Chiêm. Vua Trần Đế mới lên ngôi, xuống chiếu rước linh cữu Quý phi đi bằng đường biển và an táng bà tại Cửa Khẩu, Kỳ Anh. Về sau được lập đền thờ và sắc phong cho bà là “Chế Thắng Phu nhân”.  |  |
|  | **Mạc Đỉnh Chi** | Mạc Đỉnh Chi (1280-1346) quê tỉnh Hải Dương, đỗ Trạng Nguyên năm 1304 đời vua Trần Anh Tông. Mạc Đỉnh Chi là một sứ giả toàn năng, trong chuyến đi sứ vào năm 1308, với tài năng ứng đối linh hoạt thông minh của ông đã được làm cho vua Nguyên kính nể và phong cho ông là "Lưỡng quốc Trạng nguyên". |  |
|  | **Huy Cận** | Huy Cận (1919 - 2005): Tên là Cù Huy Cận, quê xã Ân Phú, huyện Vũ Quang, trước Cách mạng tháng Tám ông tham gia phong trào Thơ mới. Tháng 8/1945, Huy Cận tham gia phái đoàn Chính phủ cách mạng Lâm thời vào Huế tiếp nhận lễ thoái vị của Vua Bảo Đại. Chính phủ cách mạng ra đời, ông giữ chức Bộ trưởng Bộ Canh nông, Bộ trưởng đặc trách Văn hóa Thông tin, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam. Tháng 6/2001, ông được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm Thơ Thế giới.  |  |
|  | **Võ Đình Cận** | Võ Đình Cận (1705 -?) quê xã Hương Giang, huyện Hương Khê. Ông Tham gia quân đội nhà Lê, lập được nhiều công lao nên được vua Lê phong sắc vào các năm Cảnh Hưng (1741); Cảnh Hưng (1752). Sau khi về trí sĩ , Võ Đình Cận là người có công trong việc khai hoang lập làng, đào mương đắp đập dẫn thủy nhập điền phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của nhân dân trong vùng. Sau khi mất nhân dân địa phương đã lập đền thờ và tôn làm thành Hoàng làng.  |  |
|  | **Trần Hữu Châu** | Trần Hữu Châu (1847 -1893), quê xã Phương Điền, huyện Hương Khê. Hưởng ứng phong trào Cần Vương, ông đã tham gia nghĩa quân do Phan Đình Phùng lãnh đạo và được giao chỉ huy nghĩa quân ở Hương Khê và các huyện lân cận tổ chức đánh Pháp. Ông bị địch bắt và bị xử chém năm 1893. |  |
|  | **Lê Quảng Chí** | Lê Quảng Chí (1454 - 1533), người xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, năm 25 tuổi đỗ Tiến sĩ. Sau khi đỗ đạt được bổ dụng các chức vụ như: Đông các học sĩ, Tả thị lang Bộ lễ, đứng đầu Hàn lâm viện. Lê Quảng Chí làm quan tại triều 32 năm, khi mất được truy tặng hàm Thượng thư. Tên tuổi của ông được ghi danh tại Văn bia Văn miếu Hà Nội |  |
|  | **Nguyễn Đổng Chi** | Nguyễn Đổng Chi (1915-1984) quê ở xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà. Nguyễn Đổng Chi là một học giả lớn, với hơn 50 năm cầm bút, ông sáng tác văn học, nghiên cứu văn học, nghiên cứu lịch sử, nghiên cứu Hán - Nôm. Nhưng cống hiến nổi bật hơn cả của ông là ở lĩnh vực sưu tầm, nghiên cứu văn học, văn hóa dân gian, nhất là loại hình truyện cổ tích. |  |
|  | **Nguyễn Hàng Chi** | Nguyễn Hàng Chi (1885-1908): Quê xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà. Xuất thân trong một gia đình Nho học yêu nước, ông tham gia vào các hoạt động truyền bá tư tưởng dân chủ và phong trào Duy Tân. Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ nổ ra, ông đã gửi tờ Thông tri đến các huyện kêu gọi dân chúng hưởng ứng và dẫn đầu đoàn biểu tình kéo vào thị xã Hà Tĩnh chất vấn Tuần phủ, đòi giảm sưu thuế cho dân. Ông bị địch bắt và kết án tử hình sau đó. |  |
|  | **Đội Cung** | Đội Cung (? – 1941), tên là Trần Công Cung, quê xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh. Đêm 13/1/1941, ông cùng 11 lính khố xanh đồn Chợ Rạng đánh đồn Đô Lương rồi tiến về Vinh đánh chiếm Trại Giám Binh thành Nghệ An. Do bị lộ nên nghĩa binh bị đàn áp, binh biến chấm dứt, riêng Đội Cung thoát được lẩn trốn một thời gian, nhưng một tháng sau ông bị bắt. Cuối tháng 2 năm 1941, Toà án binh Hà Nội đã kết án và tử hình ông ở Vinh. |  |
|  | **Ngô Thị Ngọc Dao** | Ngô Thị Ngọc Dao (1420 - 1496), thường gọi là Quang thục Hoàng Thái hậu, bà là thân mẫu của vua Lê Thánh Tông. Bà là người có ảnh hưởng lớn đến nhân cách và sự nghiệp của Lê Thánh Tông, một trong những vị vua anh minh nhất trong lịch sử. Đền thờ bà tại xã Cẩm Dương còn có tên gọi là đền Bà Chúa. |  |
|  | **Vũ Diệm** | Vũ Diệm (1705 - ?), người xã xã Vương Lộc, huyện Can Lộc. Năm 35 tuổi, ông đỗ Tiến sĩ, sau đó được bổ dụng nhiều chức quan trong triều. Vũ Diệm là người học giỏi nên ở Thăng Long lúc bấy giờ xuất hiện thành ngữ "Bút Cấm Chỉ, sĩ Thiên Lộc", nghĩa là loại bút tốt nhất chỉ có ở hàng ngõ Cấm Chỉ, còn những học trò giỏi nhất phải là quê ở huyện Thiên Lộc lúc bấy giờ.  |  |
|  | **Xuân Diệu** | Xuân Diệu (1916 - 1985): quê làng Trảo Nha, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, sinh tại xã Phước Hòa, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông được mệnh danh là “Ông hoàng thơ tình”, từng là thành viên của nhóm Tự lực Văn đoàn và là một trong những chủ soái của phong trào “Thơ mới”. Xuân Diệu là cây đại thụ của nền thi ca hiện đại Việt Nam, ông để lại khoảng 450 bài thơ, một số truyện ngắn và nhiều bút ký, tiểu luận, phê bình văn học. Xuân Diệu còn là Đại biểu Quốc hội khóa I, Viện sĩ Viện Hàn Lâm Nghệ thuật Cộng hòa Dân chủ Đức. Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt 1 năm 1996. |  |
|  | **Trương Quốc Dụng** | Trương Quốc Dụng (1797–1864), quê xã Thạch Khê, huyện Thạch Hà, thi đỗ Tiến sĩ năm (1829), ông làm quan dưới 3 đời vua: Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Đông các Đại học sỹ Trương Quốc Dụng được sử sách ghi nhận là một danh tướng, nhà thiên văn học, nhà văn, nhà sử học, nhà cải cách. Ông là người chủ biên bộ Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục, là tác giả biên soạn bộ lịch Việt Nam thời Nguyễn. |  |
|  | **Nguyễn Du** | Nguyễn Du (1766 - 1820), quê xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, ông là nhà thơ lớn của dân tộc, đặc biệt với kiệt tác Truyện Kiều đã đưa Nguyễn Du lên tầm vóc thế giới. Năm 1965, Nguyễn Du được Hội đồng hòa bình thế giới công nhận Đại Thi hào, năm 2013 UNESCO đã vinh danh Nguyễn Du là Danh nhân văn hóa thế giới. Khu lưu niệm của ông đã được Nhà nước xếp hạng Di tích cấp quốc gia đặc biệt năm 2012. |  |
|  | **Đặng Dung** | Đặng Dung (1373 - 1414), quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc. Đặng Dung làm quan dưới triều nhà Hồ, được giao cai quản vùng đất Thuận Hóa. Sau khi quân Minh xâm chiếm nước ta, Đặng Dung cùng cha là Đặng Tất tham gia cuộc khởi nghĩa do Trần Ngỗi (tức Giản Định đế) lãnh đạo. Năm 1409, sau trận đại chiến ở Bô Cô (tỉnh Nam Định), vì nghe lời gièm pha Giản Định Đế đã giết Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. Từ đó, Đặng Dung cùng Nguyễn Cảnh Dị rước Trần Quý Khoáng từ Thanh Hóa về đất Chi La (nay là Đức Thọ), tôn lên ngôi vua (tức Trùng Quang Đế) tổ chức kháng chiến chống giặc Minh và ông được giữ chức Đồng bình Chương sự,  |  |
|  | **Lê Quý Đôn** | Lê Quý Đôn (1726 - 1783), quê huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Sinh thời Lê Qúy Đôn được coi là “thần đồng” ông đỗ đầu cả 3 kỳ thi Hương, thi Hội và thi Đình. Sau khi đỗ đạt ông được bổ dụng nhiều chức quan khác nhau, tuy nhiên danh tiếng mà Lê Qúy Đôn để lại cho hậu thể là các tác phẩm như: Vân Đài Loại Ngữ, Đại Việt thông sử, Phủ biên tạp lục.v.v…có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học và địa lý.  |  |
|  | **Phạm Lê Đức** |  Phạm Lê Đức, nguyên quán ở phía Bắc tham gia quân đội nhà Lê, được giao trấn giữ vùng đất Hà Hoa và trực tiếp quản lý kho quân lương Trại Trâu (xã Cẩm Hòa). Về sau, ông đã ở lại vùng đất này, khai khẩn đất đai xây dựng xóm làng và dựng chùa Pháp Hải để tu hành. Sau khi ông mất nhân dân đã lập đền Sò để thờ phụng và tưởng nhớ.  |  |
|  | **Nguyễn Văn Giai** | Nguyễn Văn Giai (1553 - 1628) quê xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, đỗ Hoàng giáp, từng giữ chức Tể tướng dưới triều Hậu Lê, tước Thái bảo Quận công. Nguyễn Văn Giai nổi tiếng chính trực và có nhiều đóng góp về chính trị, quân sự dưới triều Hậu Lê.  |  |
|  | **Phan Đình Giót** |  Phan Đình Giót (1922 - 1954): Quê xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên. Năm 1950, Phan Đình Giót xung phong vào bộ đội và tham gia nhiều chiến dịch lớn như: Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên Phủ. Chiều ngày 13/3/1954, đơn vị của ông đánh cứ điểm Him Lam, mặc dầu bị thượng nặng, song Phan Đình Giót đã lấy thân mình bịt lỗ châu mai, dập tắt hỏa điểm của địch, góp phần giành thắng lợi trong trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngày 03/8/1955, Phan Đình Giót được truy tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. |  |
|  | **Chính Hữu** | Chính Hữu (1926 - 2007), tên thật là Trần Đình Đắc, quê huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Ông nguyên là Đại tá, Phó cục trưởng cục Tuyên huấn thuộc Tổng cục chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam, nguyên Phó tổng thư ký Hội Nhà văn Việt Nam. Ông làm thơ từ năm 1947 và chỉ viết về người lính và chiến tranh. Ông được Nhà nước Việt Nam trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật đợt hai (năm 2000). |  |
|  | **Hoàng Xuân Hãn** | Hoàng Xuân Hãn (1908-1996) quê xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, thi đỗ Tú tài toàn phần và nhận học bổng du học tại Pháp. Ông là thành viên sáng lập Hội truyền bá Quốc ngữ và chủ xướng phương pháp học “I tờ” về sau được vận dụng triệt để trong phong trào “Diệt giặc dốt”. Hoàng Xuân Hãn còn là người biên soạn chương trình chuyển đổi sách giảng dạy bằng tiếng Pháp sang tiếng Việt trong nhà trường. Sau khi sang Pháp sinh sống, ông tham gia các hoạt động của Hội Việt Kiều hướng về tổ quốc, viết bài chứng minh chủ quyền lãnh thổ Việt Nam đối với Hoàng Sa và Trường Sa. |  |
|  | **Hồ Văn Hoa** | Hồ Văn Hoa, quê xã Phương Mỹ, huyện Hương Khê. Ông tham gia nghĩa quân Tây Sơn, trong chiến dịch thần tốc ra Bắc đánh đuổi quân Thanh năm 1789, Hồ Văn Hoa đã có công giúp Nguyễn Huệ tuyển mộ binh sỹ ở Nghệ An. Công lao của ông về sau được triều Tây Sơn ban tặng sắc phong.  |  |
|  | **Trần Phúc Hoàn** | Trần Phúc Hoàn (1650-1725) quê xã Hương Vĩnh, huyện Hương Khê, ông là người có công trong việc bảo vệ an ninh biên giới Đại Việt thời Lê Trung hưng. Năm 1708, Trần Phúc Hoàn được phong chức Đề đốc, tước Vinh Cường Hầu, sau phong chức Đặc Tiến phụ Quốc Thượng tướng quân, tước Vinh Quận Công. Sau khi mất được phong làm phúc thần, tước hiệu Đại Vương. |  |
|  | **Biện Hoành** | Biện Hoành, sống vào thế kỷ 16, quê xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên. Ông là người đứng thứ 15 trên bia Tiến sỹ tại Văn miếu Quốc Tử Giám. Biện Hoành nổi tiếng thanh liêm chính trực, đời vua Lê Trung Tông, ông được giao giữ nhiều chức vụ quan trọng trong bộ máy triều đình. Năm 70 tuổi, ông vẫn được Vua ban quan phẩm Thanh hình Hiến Sát sứ đạo Thuận Quảng. Ông có nhiều công lao nên sau khi mất được nhân dân lập đền thờ. |  |
|  | **Phan Huân** | Phan Huân (1814 - 1862) quê xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà. Sau khi đỗ Cử nhân ông được bổ dụng một số chức quan dưới triều Nguyễn. Phan Huân là người cương trực, ông đã dâng bản cáo trạng lên Vua Tự Đức, để phản đối triều đình ký hiệp ước Nhâm Tuất (1862) dâng 3 tỉnh Miền đông Nam Kỳ cho giặc Pháp. |  |
|  | **Lê Văn Huân** | Lê Văn Huân (1876 - 1929): Quê làng Trung Lễ, huyện Đức Thọ. Ông đỗ đầu khoa thi Hương năm 1906. Đầu năm 1925, ông cùng một số thanh niên trí thức lập ra hội Phục Việt “tức Tân Việt Cách mạng Đảng”. Tháng 9/1929, ông bị Pháp bắt giam ở Vinh rồi chuyển về nhà lao Hà Tĩnh, để phản đối chế độ lao tù khắc nghiệt, ông đã tuyệt thực và từ trần trong tù. |  |
|  | **Đinh Nho Hoàn** | Đinh Nho Hoàn (1671-1715) quê ở xã An Ấp, huyện Hương Sơn, đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ. Sau khi đỗ đạt ông đã trải qua nhiều vị trí trong triều Lê. Năm 1715, ông được cử đi sứ nhà Thanh và mất khi đang trên đường đi sứ. Sau khi ông qua đời triều đình phong tặng Tả Thị lang Bộ lại, cho lập miếu thờ và sắc phong là Đặc Đạt Đại Vương. |  |
|  | **Tố Hữu** | Tố Hữu (1920-2002): Quê xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông là một nhà thơ Cách mạng tiêu biểu, đồng thời là một chính trị gia. Ông đã từng giữ các chức vụ quan trọng như Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam, Trưởng ban Tuyên huấn, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng nước CHXHCN Việt Nam. |  |
|  | **Phan Huy Ích** | Phan Huy Ích (1551 – 1822): Quê xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, là người có công lớn trong việc giúp nhà Tây Sơn đánh thắng quân Thanh xâm lược, đặc biệt trong lĩnh vực ngoại giao với nhà Thanh sau đó. Dưới triều Tây Sơn ông giữ chức Thượng thư Bộ Lễ. Sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, ông trở về quê dạy học.  |  |
|  | **Ngô Đức Kế** | Ngô Đức Kế (1879 – 1929) quê thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, thi đỗ Tiến sĩ nhưng không ra làm quan. Ngô Đức Kế tiếp nhận Tân thư và đề xướng lối học mới và bài xích lối học từ chương và cử nghiệp, ông cùng với Lê Văn Huân và Đặng Nguyên Cẩn lập ra Triều Dương thương điếm ở Vinh. Năm 1908, ông bị thực dân Pháp bắt và đày ra Côn Đảo, sau khi ra tù ông làm chủ bút báo Hữu Thanh ở Hà Nội, ngoài ra còn xuất bản sách, đồng thời sáng tác thơ vǎn.  |  |
|  | **Đặng Minh Khiêm** | Đặng Minh Khiêm (1456 – 1522): quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, đỗ Hoàng Giáp khoa Đinh Mùi. Năm 1501, ông làm Thị thư Viện Hàn lâm, sau đó được thăng chức Tả Thị lang bộ Lại, rồi thượng thư bộ Lễ, kiêm Phó Tổng tài sử quán và coi việc ở cục Chiêu Văn. Dưới triều vua Lê Chiêu Tông (1516-1522), Đặng Minh Khiêm đã sửa lại bộ Đại Việt lịch đại sử ký. Trước tác ông để lại có hai thi tập chính: Giang Tây khúc thuyền thi tập, Việt Giám vịnh sử tập. |  |
|  | **Nguyễn Bỉnh Khiêm** | Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491 – 1585): quê xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Nguyễn Bỉnh Khiêm là một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn trong lịch sử - văn hóa Việt Nam ở thế kỷ 16. Sau khi đậu Trạng nguyên ông làm quan dưới triều Mạc, được phong tước Trình Tuyền Hầu rồi thăng lên Trình Quốc Công. Nguyễn Bỉnh Khiêm là một nhà dự báo, hoạch định chiến lược kỳ tài, với tầm nhìn địa chính trị đi trước thời đại nhiều thế kỷ. Những lời cố vấn của ông dành cho các tập đoàn phong kiến Mạc, Lê-Trịnh, Nguyễn đã có ảnh hưởng lớn, mang tính bước ngoặt đối với tiến trình của lịch sử dân tộc. Ông đã có câu nói nổi tiếng về Hoành Sơn: “Hoành Sơn nhất đái – Vạn đại dung thân” |  |
|  | **Lê Khôi** | Lê Khôi (? – 1446): Quê xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Ông gọi Lê Lợi bằng chú, tham gia khởi nghĩa Lam Sơn từ đầu, có tên trong Hội thề Lũng Nhai gồm 35 công thần tụ nghĩa. Ông tham gia nhiều trận đánh, lập công lớn. Lê Khôi làm quan 3 triều vua Lê lên tới chức Khâm sai Tiết chế thủy lục như Dinh, Hộ vệ Thượng tướng quân. Năm 1443, ông được phái vào cai quản Hoan Châu (Nghệ An – Hà Tĩnh). Năm 1446, ông phụng mệnh vua Nhân Tông cầm quân đi đánh Chiêm Thành, trên đường trở về đến chân núi Long Ngâm của dãy Nam Giới thì ông mất. Thi hài ông an táng tại chóp núi Long Ngâm, nhà vua cho lập đền thờ, hàng năm tổ chức quốc tế, truy phong Chiêu Trưng Đại Vương. |  |
|  | **Phan Kính** | Phan Kính (1717-1761) quê xã Song Lộc, huyện Can Lộc, đỗ Thám hoa và làm quan dưới thời vua Lê Hiển Tông. Ông từng đi sứ Nhà Thanh và được vua Càn Long phong là "Lưỡng quốc Đình nguyên Thám hoa". Năm 1761, ông lâm bệnh và qua đời được vua Lê Hiển Tông phong sắc là “Thành hoàng hiệu Anh Nghị Đại Vương” để ghi nhớ công lao nội trị và ngoại giao của Phan Kính.  |  |
|  | **Trịnh Khắc Lập** | Trịnh Khắc Lập: Quê ở xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân là một chí sỹ yêu nước, từng tham gia phong trào Cần vương do Phan Đình Phùng lãnh đạo, thành viên hội Duy Tân do Phan Bội Châu khởi xướng. Năm 1908 cùng với Nguyễn Hàng Chi, ông là một trong những người khởi xướng và lãnh đạo cuộc chống sưu thuế ở Hà Tĩnh, bị giặc pháp bắt và xử chém tại huyện lỵ Nghi Xuân vào cuối năm 1908. |  |
|  | **Nguyễn Đình Liễn** | Nguyễn Đình Liễn (1898-1931), quê xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, sau khi được bầu làm Bí thư Huyện uỷ Cẩm Xuyên, tháng 9.1930, Nguyễn Đình Liễn trực tiếp tổ chức và lãnh đạo hàng nghìn nông dân huyện Cẩm Xuyên kéo ra Thị xã Hà Tĩnh biểu tình. Chính quyển thực dân huy động binh lính tổ chức đàn áp, Nguyễn Đình Liễn bị bắt, kết án tử hình về tội “cầm đầu Cộng sản phản loạn”. Ngày 02.01.1931, thực dân Pháp và Nam triều đã xử chém ông tại chợ Hội. |  |
|  | **Bùi Dương Lịch** | Bùi Dương Lịch (1757 – 1828): quê xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, thi đỗ Tiến sĩ, chưa kịp ra làm quan thì triều Lê sụp đổ. Năm 1791, ông được vua Quang Trung mời ra giúp việc biên soạn sách ở Viện Sùng Chính, sau khi nhà Tây Sơn sụp đổ, nhà Nguyễn thành lập ông nhận chức Đốc học Nghệ An, và Quốc Tử Giám ở Huế nhưng chỉ sau 1 năm ông cáo quan về dạy học và soạn sách. Bùi Dương Lịch để lại nhiều tác phẩm có giá trị như: Nghệ An ký, Bùi gia huấn hài, Ốc lậu thoại, Yên hội thôn chí.  |  |
|  | **Nguyễn Tiến Liên** | Nguyễn Tiến Liên: Bí thư huyện ủy Kỳ Anh đầu tiên. Tháng 6/1930, tại đền Phương Giai xã Kỳ Bắc, Hội nghị thành lập Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam huyện Kỳ Anh được tiến hành. Hội nghị bầu ra Ban Chấp hành huyện ủy lâm thời và đồng chí Nguyễn Tiến Liên làm Bí thư huyện ủy đầu tiên. |  |
|  | **Đậu Quang Lĩnh** | Đậu Quang Lĩnh (1870-1941), là một Linh mục Công giáo. Ông là nhân vật chủ chốt trong Phong trào Đông Du và Phong trào Duy Tân. Tháng 6 năm 1909, chính quyền thực dân Pháp đã bắt giam 3 linh mục lãnh đạo Duy Tân giáo đồ hội trong đó có Đậu Quang Lĩnh cùng nhiều giáo dân tham gia. Ngày 21 tháng 10 năm 1909, ông bị kết án 9 năm tù khổ sai biệt xứ và bị đày ra Côn Đảo. Năm 1918, ông mãn hạn tù nhưng vẫn phải chịu án biệt xứ, không được cư trú tại Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Năm 1919, ông được phục chức về làm Phó xứ Cái Mơn, tỉnh Bến Tre. Năm 1941 Đậu Quang Lĩnh qua đời.  |  |
|  | **Ngô Mây** | Ngô Mây (1924 – 1947), quê ở xã Cát Chánh, tỉnh Bình Định. Tháng 4/1947, anh nhập ngũ và là đội viên Đại đội quyết tử. Đầu tháng 10/1947, đơn vị anh nhận nhiệm vụ phục kích quân địch ở suối Voi ( trên đường An Khê đi Plâycu ). Ngô Mây có nhiệm vụ ôm bom phá xe tăng địch để cho đồng đội diệt bộ binh, tuy nhiên trận địa bị lộ, đơn vị phải vừa đánh vừa rút lui để bảo toàn lực lượng, Ngô Mây đã quyết định cảm tử và tiêu diệt một trung đội Âu Phi của địch. |  |
|  | **Nguyễn Đăng Minh** | Nguyễn Đăng Minh, xã Cẩm Vịnh, Cẩm Xuyên. Nguyễn Đăng Minh tham gia phong trào Tây Sơn và lập được nhiều công lao trong chiến dịch Đống Đa đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh. Sau khi ông mất, vua Quang Trung đã sắc phong ông là Đức Đại Vương và cho lập đền thờ tại quê nhà.  |  |
|  | **Ngô Đăng Minh** | Ngô Đăng Minh, quê xã Hà Linh, Hương Khê, là danh nhân lịch sử dưới thời Lê Trung Hưng. Ngô Đăng Minh có công trong việc đánh dẹp sự xâm lấn của giặc Bồn Man được vua Lê ban chức ''Đặc Tiến Kim Tử, Vĩnh Lộc Đại Phu, Tư lễ giám, Tả Đề Điển, Án Trung hầu, Trụ Quốc Thượng Liên''. Sau khi qua đời làng Trúc Lâm, xã Hà Linh, lập đền thờ và tôn làm Bản xứ Thành Hoàng.  |  |
|  | **Hà Tông Mục** | Hà Tông Mục (1653–1707) quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc, đỗ Tiến sĩ năm 1688. Hà Tông Mục từng giữ các chức vụ như: Phủ doãn phủ Phụng Thiên; Chánh sứ; Tả thị lang bộ Hình, Bồi Tụng. Năm 1699, quân Thanh xâm lấn Bảo Lạc (Cao Bằng), Hà Tông Mục và Nguyễn Hành đã đấu tranh ngoại giao với Sầm Trì Phượng buộc quân Thanh rút khỏi biên giới. Năm 1703, ông đi sứ sang Trung Quốc, được vua Khang Hy tặng cho ông bức đại tự ba chữ "Nhược xung hiên". Hà Tông Mục cũng là tác giả của sách Đại Việt sử ký tục biên. |  |
|  | **Trần Muông** | Trần Muông, quê xã Cẩm Nam, huyện Cẩm Xuyên. Là một nhân vật lịch sử thời Hậu Lê, ông là người có công khai khẩn đất đai và lập nên làng Kẻ hầu, sau khi mất dân làng lập đền Lộ Khê thờ ông và tôn làm thành hoàng Làng.  |  |
|  | **Nguyễn Nghiễm** | Nguyễn Nghiễm (1708 – 1776) quê xã Tiên Điền huyện Nghi Xuân. Nguyễn Nghiễm từng giữ chức Ngự sử, Thượng thư bộ Công và Tham tụng (Tể tướng). Nguyễn Nghiễm là một võ quan, sử gia, nhà thơ, ông có nhiều đóng góp cho triều đình nhà Lê nên khi qua đời được ban tên thụy là Trung Cần và phong Thượng đẳng phúc thần.  |  |
|  | **Bạch Ngọc** | Bạch Ngọc Hoàng hậu tức Trần Thị Ngọc Hào, quê xã Hòa Hải, huyện Hương Khê. Bà là cung phi của Trần Duệ Tông. Nhà Hồ cướp ngôi nhà Trần, bà cùng con gái trốn về quê hương, chiêu dân lập ấp, mở mang vùng đất trên địa bàn 6 tổng của huyện Đức Thọ. Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa Lam Sơn, Bạch Ngọc hoàng hậu đã hiến tặng lương thực, dân đinh, trang trại cho nghĩa quân. Sau khi đất nước độc lập bà quy y đạo Phật, lập chùa Diên Quang ở Đức Hòa và chùa Tiên Lữ ở Đức Lập để tu hành và hoạt động Phật giáo.  |  |
|  | **Lê Ninh** | Lê Ninh (1857 - 1887): quê xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ. Lê Ninh là người đầu tiên hưởng ứng chiếu Cần Vương ở Hà Tĩnh. Năm 1885, ông hợp lực với các đạo nghĩa binh ở Đức Thọ, Can Lộc, Thạch Hà với chiến thuật “Nội công ngoại kích” đã đánh hạ thành Hà Tĩnh giao nộp chiến lợi phẩm cho vua Hàm Nghi. Năm 1886, thừa lệnh thủ lĩnh Phan Đình Phùng, ông cầm quân đánh và chiếm được đồn Dương Liễu, Nghệ An. Cuối năm 1887, ông bị bệnh nặng và qua đời khi mới 30 tuổi.  |  |
|  | **Lê Duy Năng** | Lê Duy Năng, quê phường Văn Yên, thành phố Hà Tĩnh, ông là người có công trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn vào đầu thế kỷ XV. Sau khi tham gia đánh đuổi giặc Minh thắng lợi, ông đã về quê khai khẩn đất đai lập làng Văn Yên. Sau khi mất được nhân dân lập miếu thờ và tôn làm thành Hoàng.  |  |
|  | **Nguyễn Trọng Nhạ** | Nguyễn Trọng Nhạ: Chủ tịch huyện Kỳ Anh đầu tiên, ông là người chỉ huy đoàn biểu tình chống thực dân và phong kiến vào năm 1930 ở huyện Kỳ Anh. |  |
|  | **Vương Đình Nhỏ** | Vương Đình Nhỏ (1925 – 1990): Quê ở xã Kỳ Thịnh, huyện Kỳ Anh. Năm 1968 thời kỳ cao điểm của Chiến tranh phá hoại tại ngã ba Đồng Lộc, anh đã chỉ huy Tiểu đội phá 529 quả bom, riêng anh đã tự phá được 198 quả bom góp phần giữ vững mạch máu giao thông cho chiến trường miền Nam. Tính đến năm 1972, anh đã chỉ huy phá được 1899 quả bom các loại. Vương Đình Nhỏ là huyền thoại anh hùng ở Ngã ba Đồng Lộc. Năm 2005 ,Vương Đình Nhỏ được truy tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”. |  |
|  | **Lê Phúc Nhạc** | Lê Phúc Nhạc, xã Cẩm Lạc, huyện Cẩm Xuyên. Năm 1577, nhà Lê tổ chức kỳ thi Chế khoa, Lê Phúc Nhạc đỗ nhất Giáp. Sau khi đỗ đạt ông làm quan đến chức Hữu thị lang Bộ lễ, tước Hầu. Lúc ông mất được phong Phúc thần và được nhân dân lập đền thờ.  |  |
|  | **Nguyễn Huy Oánh** | Nguyễn Huy Oánh (1722-1789), quê xã Trường Lộc, huyện Can Lộc. Khoa thi Mậu Thìn (1748) ông đỗ Thám Hoa. Sau khi đỗ đạt Nguyễn Huy Oánh được bổ dụng lần lượt giữ các chức quan: Tả thị lang bộ Lại, Đông các Đại học sĩ, Đô ngự sử, chánh sứ bộ sang nhà Thanh, tước Thạc Lĩnh bá. Tại làng Trường Lưu, ông là người lập nên Phúc Giang Thư viện với hàng nghìn đầu sách để dạy sĩ tử, khi ông mất được lập đền thờ gọi là “đền cụ Thám”. |  |
|  | **Hoàng Ngọc Phách** | Hoàng Ngọc Phách (1896 - 1973): quê ở làng Đông Thái, huyện Đức Thọ. Hoàng Ngọc Phách tham gia phong trào cách mạng trước tháng 8/1945. Sau cách mạng tháng Tám, ông công tác trong ngành giáo dục nước nhà. Ông là nhà văn nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết “Tố Tâm” viết năm 1922. Ngoài ra, ông còn để lại khá nhiều tác phẩm như: Thời thế với văn chương (1941); văn thơ Nguyễn Khuyến (1957); Sơ tuyển văn thơ yêu nước và cách mạng (1958). |  |
|  | **Mai Phì** | Mai Phì (1906 -1932). Quê xã Hương Long, Hương khê. Mai Phì là Bí thư Huyện ủy đầu tiên của huyện Hương Khê. Tháng 10 năm 1931, trên đường đi công tác ông bị địch bắt giam và mất trong tù năm 1932. |  |
|  | **Phan Đình Phùng** | Phan Đình Phùng (1843 - 1896) quê xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, ông đậu Tiến sĩ khoa Đinh Sửu (1877) và làm quan Ngự sử trong triều Nguyễn. Khi vua Hàm Nghi ra Hà Tĩnh phát động phong trào Cần Vương, Phan Đình Phùng được giao giữ chức Hiệp thống quân vụ, lãnh đạo chống Pháp ở ba tỉnh: Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Năm 1895, Phan Đình Phùng bị thương và hy sinh, nhưng tên tuổi của ông gắn với cuộc khởi nghĩa Hương Khê và phong trào chống Pháp cuối cùng vào thế kỷ XIX. |  |
|  | **Lý Nhật Quang** | Lý Nhật Quang (? - 1057), là Hoàng tử thứ 8 của vua Lý Thái Tổ, tước hiệu là Uy Minh vương. Năm 1041, Lý Nhật Quang được triều đình cử vào trị nhậm vùng đất Hoan Châu (Nghệ An và Hà Tĩnh ngày nay). Lý Nhật Quang góp phần giữ vững sự ổn định biên giới phía nam Đại Việt trước sự xâm lấn của quân Chiêm Thành, ngoài ra ông còn chú trọng giúp dân khai khẩn đất đai, coi trọng phát triển kinh tế, khuyến khích nhân dân mở mang nghề nghiệp. Vì vậy, sau khi mất được nhân dân nhiều vùng Nghệ - Tĩnh lập đền thờ và tôn Lý Nhật Quang làm thành Hoàng làng.  |  |
|  | **Võ Liêm Sơn** | Võ Liêm Sơn (1888 – 1949): quê xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc. Võ Liêm Sơn là một nhà giáo, nhà văn và nhà Cách mạng. Năm 1926, ông gia nhập Tân Việt cách mạng Đảng, năm 1944 ông tham gia Mặt trận Việt Minh. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 ông được chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bổ nhiệm làm Trưởng ban tuyên truyền kháng chiến, năm 1948 được bầu làm Chủ tịch Mặt trận Liên việt Hà Tĩnh. Võ Liêm Sơn là người có nhiều đóng góp cho công tác Mặt trận của tỉnh Hà Tĩnh những ngày đầu đất nước mới giành được độc lập. |  |
|  | **Nguyễn Sơn** | Nguyễn Sơn (1908 -1956), quê quán Từ Liêm, Hà Nội. Lịch sử gọi ông là "Lưỡng Quốc tướng quân" do những đóng góp cho sự nghiệp cách mạng của VN và cách mạng Trung Quốc. Năm 1925, ông được phong Thiếu tướng đợt đầu, ông được lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc giới thiệu vào học Trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc), trước khi về Việt Nam, ông đã gia nhập Đảng Cộng sản Trung Quốc và được phong Thiếu Tướng vào năm 1955. Tại thị trấn Cẩm Xuyên có đặt doanh trại quân đội thời chống Pháp và trên đường vào Nam, Thiếu tướng Nguyễn Sơn đã dừng chân thăm đơn vị quân đội này. |  |
|  | **Đặng Tất** | Đặng Tất (?-1409) quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc. Đặng Tất thi đậu Thái học sinh thời Trần. Sau khi giặc Minh xâm lược nước ta Trần Ngỗi lập ra nhà Hậu Trần, xưng là Giản Định đế khởi nghĩa chống giặc Minh. Đặng Tất đưa quân từ Hóa Châu ra phò vua Giản định đế, được phong làm Quốc công. Quân Hậu Trần tiến quân ra Bắc, đánh bại quân Minh ở trận Bô Cô nhưng sau đó, Giản Định đế nghe lời gièm pha đã giết Đặng Tất làm cho cuộc kháng chiến tan rã. Sau khi ông mất nhân dân đã lập đền thờ tại xã Tùng Lộc. |  |
|  | **Dương Văn Tào** | Dương Văn Tào, quê xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên. Phong trào Tây Sơn nổ ra, Đô đốc Dương Văn Tào đã cùng nhân dân tổng Mỹ Duệ nhiệt liệt hưởng ứng đóng góp sức người, sức của cho phong trào góp phần làm nên chiến thắng quân Mãn Thanh xâm lược. Sau khi ông mất được nhân dân lập đền thờ. |  |
|  | **Đào Tấn** | Đào Tấn (1845 - 1907) tên thật là Đào Đăng Tấn, quê huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông từng làm Tổng đốc An - Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), trong thời gian này Đào Tấn đã có công phục dựng chùa Thiên Tượng và một số di tích khác trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Ngoài ra, Đào Tấn được coi là ông tổ hát Bội. |  |
|  | **Cao Thắng** | Cao Thắng (1864 1893) quê xã Sơn Tiến, huyện Hương Sơn. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương, Cao Thắng gia nhập phong trào Cần Vương và chiến đấu ở núi Vụ Quang. Ông là Phó tướng quan trọng của Phan Đình Phùng và đóng góp to lớn cho phong trào đặc biệt là việc chế tạo vũ khí và hoạch định chiến thuật đánh Pháp của cuộc Khởi nghĩa Hương Khê. |  |
|  | **Nguyễn Chí Thanh** | Nguyễn Chí Thanh (1914-1967): Quê tỉnh Thừa Thiên Huế. Nguyễn Chí Thanh là Đại tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là lãnh đạo lỗi lạc của Cách mạng Việt Nam trong hai cuộc chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc.  |  |
|  | **Lê Văn Thiêm** | Lê Văn Thiêm (1918 - 1991): Quê quán tại xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ. Ông là người Việt Nam đầu tiên bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Toán học ở Đức vào năm 1945 và cũng là người Việt Nam đầu tiên được mời làm Giáo sư Toán học và cơ học tại Thụy Sĩ. Năm 1949, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông về nước với nhiệm vụ xây dựng trường Khoa học cơ bản và trường Sư phạm cao cấp và giữ chức Hiệu trưởng của hai trường này. Ông là Viện trưởng đầu tiên của Viện toán học, Chủ tịch đầu tiên của Hội toán học Việt Nam, là người đặt nền móng xây dựng nền toán học nước nhà. Ông được truy tặng giải thưởng Hồ Chí Minh đợt 1 năm 1996. |  |
|  | **Nguyễn Thiếp** | Nguyễn Thiếp (1723 – 1804): tự là La Sơn Phu tử, quê xã Kim Lộc, huyện Can Lộc. Ông đỗ đầu kỳ thi Hương năm 20 tuổi, nhưng không dự thi Hội mà đi ở ẩn. Năm 30 tuổi, ông nhậm chức Huấn đạo ở phủ Anh Sơn sau đó làm Tri huyện Thanh Chương. Năm 46 tuổi, ông từ quan về dựng nhà sống ẩn dật trên núi Thiên Nhẫn. Năm 1791, vua Quang Trung ban chiếu lập "Sùng chính Thư viện" và mời ông làm Viện trưởng và ông đã tổ chức dịch các sách phục vụ cho công việc giáo dục của chính quyền mới. |  |
|  | **Nguyễn Trung Thiên** | Nguyễn Trung Thiên (1905-1930) tên thật là Trần Hữu Thiều sinh ngày 11-6-1906 tại xã Lĩnh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An. Nguyễn Trung Thiên là người đã phối hợp với các đồng chí trong nhóm Đông Dương Cộng sản Liên đoàn ở Hà Tĩnh mở hội nghị thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh vào cuối tháng 3-1930. Hội nghị đã bầu BCH lâm thời do Nguyễn Trung Thiên làm Bí thư Tỉnh ủy lâm thời. |  |
|  | **Trần Công Thưởng** | Trần Công Thưởng (1841 – 1914): quê xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh. Đậu Cử nhân năm 32 tuổi, năm 34 tuổi được triều đình nhà Nguyễn bổ dụng làm Hậu Bổ ở tỉnh Phú Yên. Năm 1885, Trần Công Thưởng hưởng ứng phong trào Cần Vương chống Pháp do Vua Hàm Nghi khởi xướng. Trong thời gian (1885-1896), ông đã cùng với các sỹ phu yêu nước ở Kỳ Anh tổ chức đánh nhiều trận lớn, gây cho giặc nhiều tổn thất. Sau khi lãnh tụ Phan Đình Phùng mất (1895), phong trào chống Pháp đi vào thoái trào và tan rã, Trần Công Thưởng lui về ẩn dật và mất vào năm 1914. |  |
|  | **Tôn Thất Thuyết** | Tôn Thất Thuyết (1839 – 1913) là Phụ chính đại thần dưới triều vua Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc và Hàm Nghi. Tôn Thất Thuyết là người tổ chức cuộc binh biến chống Pháp tại kinh thành Huế năm 1885, sau khi thất bại ông đã đưa Hàm Nghi ra sơn phòng Quảng Trị và Hương Khê (Hà Tĩnh) để tổ chức kháng chiến và chính ông đã giúp vua Hàm Nghi thảo chiếu Cần Vương, kêu gọi văn thân sĩ phu đứng lên giúp vua chống Pháp. |  |
|  | **Phạm Tiêm** | Phạm Tiêm (1512 -1558): nguyên quán tỉnh Hải Dương, làm trấn thủ Nghệ An, đóng ở Dinh Cầu, ông có công tổ chức khai hoang, mở ra cánh xứ Đồng Nại (nay là xã Kỳ Hà) và đắp đê ngăn mặn, mở thêm 30 mẫu ruộng, lại đào con mương dưới chân núi Cao Vọng cho nước thông ra biển, tránh được lụt lội cho cả vùng. Sau khi ông mất, được nhân dân lập đền thờ và tôn làm thành Hoàng. |  |
|  | **Phan Phu Tiên** | Phan Phu Tiên (1370 – 1462) quê quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Ông từng đậu thi đậu Tiến sĩ hai lần, đậu Thái học sinh đời Trần và khoa thi Minh Kinh dưới thời Lê được bổ nhiệm làm việc ở Quốc Sử viện và Quốc Tử giám. Phan Phu Tiên là một sử thần, một nhà bác học mà sự nghiệp của ông đã góp phần đặt nền móng cho nhiều lĩnh vực khoa học và văn hóa như: sử học, văn học, giáo dục. |  |
|  | **Dương Trí Trạch** | Dương Trí Trạch (1586-1662), người xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, thi đỗ Đệ Tam giáp Tiến sĩ. Năm 1630, vua Lê Thần Tông cử Dương Trí Trạch làm Chánh sứ đi sứ sang nhà Minh. Năm 1644, với cương vị Đốc đồng tỉnh Cao Bằng, ông cùng với Thái bảo Tây Quận công Trịnh Tạc vâng lệnh vua đem quân tiến đánh Cao Bằng. Sau khi lập công lớn, ông được thăng chức Thượng thư Bộ Lễ, kiêm Thị độc Hàn lâm viện, tham dự công việc ở Khu Mật viện và được phong Dực vận Tán trị Công thần, tước Thái tể Bạt Quận công.  |  |
|  | **Nguyễn Trãi** | Nguyễn Trãi (1380 – 1442): Quê ở làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội, thi đỗ Thái học sinh và làm quan dưới triều nhà Hồ. Năm 1407, giặc Minh cướp nước ta, Nguyễn Trãi sau đó tìm theo Lê Lợi tham gia khởi nghĩa Lam Sơn chống giặc Minh. Suốt mười năm chiến đấu, ông là quân sư có vai trò rất quan trọng góp công lớn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nguyễn Trãi là một nhà văn hóa, nhà chính trị nhà quân sự có đóng góp to lớn vào sự phát triển của đất nước, tác phẩm nổi tiếng là Bình Ngô Đại cáo, Lam Sơn Thực lục. |  |
|  | **Lê Sỹ Triêm** | Lê Sỹ Triêm (1693-1752) người xã Thuần Thiện, huyện Can Lộc, sau khi thi đỗ Tiến sĩ ông được triều đình bổ dụng các chức vụ như: Giám sát Ngự sử, Hàn lâm viện thị chế, Đốc đồng xứ Sơn Nam Bố chính xứ Nghệ An, phó Đốc đồng châu Hoan, Đông các học sĩ và tham gia đánh dẹp cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình góp phần ổn định chính trị xã hội lúc bấy giờ.  |  |
|  | **Lê Hữu Trác** | Lê Hữu Trác (1720- 1791) hiệu là Hải Thượng Lãn Ông, quê cha ở làng Liêu Xá, huyện Mỹ Vǎn, tỉnh Hưng Yên nhưng cuộc đời ông phần nhiều gắn bó với quê mẹ xã Sơn Quang, huyện Hương Sơn. Lê Hữu Trác có đóng góp lớn cho nền y học dân tộc, ông để lại nhiều tác phẩm lớn như Hải Thượng Y tông tâm lĩnh Lĩnh Nam bản thảo và Thượng Kinh ký sự.v.v.. không chỉ có giá trị về y học mà còn có giá trị văn học, lịch sử, triết học. Ngoài ra Lê Hữu Trác còn nhà thơ, nhà vǎn xuất sắc, nhà tư tưởng tiến bộ thời Lê Trung hưng. |  |
|  | **Dương Chấp Trung** | Dương Chấp Trung (1414 - ?), quê xã Cẩm Minh, huyện Cẩm Xuyên. Ông là người đầu tiên đỗ đại khoa của huyện Cẩm Xuyên (Tiến sỹ). Sau khi đỗ đạt, ông được triều đình nhà Lê bổ nhiệm nhiều chức vụ quan trọng trong triều. Tên tuổi của ông được khắc trên Văn bia tại Văn miếu Hà Nội. |  |
|  | **Võ Phương Trứ** | Võ Phương Trứ (1870 – 1920), quê xã Cẩm Duệ, huyện Cẩm Xuyên. Sau khi đậu cử nhân Võ Phương Trứ được triều đình bổ nhiệm công việc trong Hàn lâm viện ở Huế, rồi thăng lên chức Biên tu Quốc Sử quán. Năm 1908, Võ Phương Trứ cùng một số nhà yêu nước khác đã vận động và tổ chức nhân dân kéo ra tỉnh đấu tranh chống sưu thuế. Ông bị thực dân Pháp bắt giam rồi bãi chức, sau ba năm bị tù đày, sau khi được tại ngoại về quê và mở trường dạy học. |  |
|  | **Phan Châu Trinh** | Phan Chu Trinh (1872 - 1926): quê ở làng Tây Lộc, huyện Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Phan Chu Trinh là một nhà yêu nước lớn, năm 1901, ông đậu Phó Bảng, được bổ dụng làm Thừa biện Bộ lễ, nhưng sau khi tiếp thu tư tưởng tự do dân chủ, dân quyền ông đã từ quan và khởi xướng phòng trào Duy Tân nhằm khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh để từng bước đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Ngoài ra, Phan Chu Trinh để lại nhiều tác phẩm văn thơ yêu nước như: Thư gửi chính phủ Đông Dương, Tỉnh Quốc hồn ca. |  |
|  | **Lý Tự Trọng** | Lý Tự Trọng (1914 – 1931) sinh ngày 20/10/1914 tại Bản Mạy, tỉnh NaKhon - Thái Lan. Quê gốc xã Việt Xuyên, huyện Thạch Hà. Năm 1923, chỉ mới 10 tuổi, Lý Tự Trọng được sang Trung Quốc học tập và hoạt động. Năm 1926, ông về nước hoạt động và thành lập đoàn Thanh niên Cộng sản Đông Dương và làm liên lạc cho Xứ ủy Nam Kỳ với Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 9 tháng 2 năm 1931, trong buổi mít tinh kỷ niệm một năm cuộc khởi nghĩa Yên Bái tổ chức tại Sài Gòn, Lý Tự Trọng đã bắn chết viên mật thám Le Grand tại quảng trường Lareni. Tuy nhiên, sau đó ông đã bị bắt giam vào Khám Lớn và bị kết án tử hình khi mới 17 tuổi.  |  |
|  | **Nguyễn Tuy** | Nguyễn Tuy, quê xã Hương Thọ, huyện Vũ Quang. Là Chủ tịch UBHC lâm thời đầu tiên của huyện Hương Khê. Ngày 21/8/1945, đồng chí Nguyễn Tuy đã tuyên bố thủ tiêu toàn bộ chính quyền thân Nhật, xóa bỏ mọi luật lệ của Pháp, Nhật và phong kiến, tuyên bố thiết lập xã hội mới và hệ thống chính quyền cách mạng từ huyện xuống làng xã trong toàn huyện. |  |
|  | **Nguyễn Đình Tứ** | Nguyễn Đình Tứ (1932-1996), quê xã Song Lộc, huyện Can Lộc, ông nguyên là Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, nguyên Viện trưởng Viện Năng lượng Nguyên tử quốc gia, nguyên Bộ trưởng Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp. Năm 2000, ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Khoa học và công nghệ cho Cụm công trình: "Nghiên cứu tương tác của các hạt cơ bản và hạt nhân ở năng lượng cao và phát hiện phản hạt hyperon sigma âm".  |  |
|  | **Nguyễn Huy Tự** | Nguyễn Huy Tự (1743-1790), quê xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, năm 17 tuổi đỗ Hương cống, sau đó được bổ nhiệm một số chức quan trong triều. Năm 1783 cáo quan về quê. Năm 1786, Quang Trung tiến quân ra Bắc, ông trút bỏ áo mũ cận thần nhà Lê, phò tá Triều đại Tây Sơn và được cử chức Tiên triều Đốc đồng Hữu Thị lang, ông lâm bệnh là mất năm1790. Tác phẩm văn học nổi tiếng của ông là Truyện Hoa Tiên.  |  |
|  | **Ngô Phúc Vạn** | Ngô Phúc Vạn: (1577-1652), quê thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc. Ngô Phúc Vạn làm quan dưới triều Lê, được phong chức Thái Bảo, tước Tào Quận Công, ông có nhiều công lao trong việc giữ yên bờ cõi phía Bắc của đất nước vào thế kỷ 17. Ông mất năm Nhâm Thìn (1652) và được nhân dân lập đền thờ tại quê nhà. |  |
|  | **Lê Quảng Ý** | Lê Quảng Ý (1456 - 1526) người xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh. Sau khi đỗ Tiến sĩ, ông được bổ dụng giữ chức Hàn Lâm viện Thị chế. Ông là em ruột của Tiến sĩ Lê Quảng Chí. Đền thờ Lê Quảng Chí – Lê Quảng Ý được xếp hạng di tích cấp quốc gia. |  |

**4. Các sự kiện, địa danh (xếp theo vần a, b, c)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN SỰ KIỆN, ĐỊA DANH** | **TÓM TẮT SỰ KIỆN, ĐỊA DANH** | **GHI CHÚ** |
|  | **Cẩm Bào** | Tên gọi của làng Cẩm Bào có từ thế kỷ 17, do công chúa Lê Bà con gái của vua Lê Thần Tông đã có công khai khẩn đất đai, hình thành làng xóm. Ghi nhận công trạng của công chúa Lê Bà, vua Lê Thần Tông đã ban thưởng cho bà một chiếc áo gấm và bà đã chọn vùng đất Cẩm Bào hiện nay làm lễ tế công. Sau khi công chúa Lê Bà mất nhân dân đã lập Đền thờ gọi là đền Cẩm Bào, tôn bà làm Thành Hoàng làng và gọi là “Lê Bà Thánh Mẫu Nhất Nương”.  |  |
|  | **Thiên Cầm** | Tương truyền, Vua hùng thứ 13 trong chuyến tuần du xuống phương nam khi đến vùng đất này nghe tiếng gió vi vu trong trẻo như tiếng đàn trời nên Vua Hùng đã đặt tên cho ngọn núi này là Thiên Cầm (Đàn trời), tên gọi đó được sử dụng đến ngày nay. |  |
|  | **Việt Lào** | Xuất phát từ cảng Vũng Áng là con đường huyết mạch nối liền giao thông hai nước Việt Nam và Lào, đây cũng là tuyến đường từ Hà Tĩnh đi sang các nước Lào, Thái Lan và Myanma. |  |
|  | **Đoàn Kết** | Đường đi vào thôn có đông giáo dân của thị trấn Thiên Cầm, thể hiện tình đoàn kết lương giáo |  |
|  | **Kỳ La** | Tên gọi xã Kỳ La là tên địa danh cổ có từ thời Lý - Trần đến trước năm 1945 là xã Kỳ La, thuộc tổng Vân Tán, nay là xã Cẩm Long huyện Cẩm Xuyên. Đặt tên đường Kỳ La nhằm gợi nhớ đến vùng đất có lịch sử văn hóa lâu đời của thị trấn Thiên Cầm. |  |
|  | **Hà Hoa** | Tên gọi của huyện Kỳ Anh cũ, một trong 4 huyện thuộc châu Nhật Nam vào thời Lý - Trần. Thời Lê, vào năm 1419 nhập 2 huyện Hà Hoa và Kỳ La đổi gọi là huyện Kỳ Hoa.  |  |
|  | **Nhân lý** | Tên đường gắn với địa danh đã được đặt tên từ trước và nhân dân quen gọi. |  |
|  | **Trường Sa** | Trường sa, là quần đảo nằm trên biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam. Việc lấy Trường Sa đặt tên đường tại khu du lịch Thiên Cầm nhằm khẳng định chủ quyền thiêng liêng của tổ quốc, đồng thời nhắc nhở các tầng lớp nhân dân nhận thức sâu sắc hơn trong việc bảo vệ chủ quyền biển đảo của quê hương.  |  |
|  | **Hoành Sơn** | Hoành Sơn: là tên gọi của dãy núi ở phía nam tỉnh Hà Tĩnh, bắt nguồn từ dãy Trường Sơn ra biển Đông. Suốt chiều dài lịch sử, Hoành Sơn luôn luôn là địa danh quan trọng gắn với sự tồn vong của các triều đại phong kiến và trên dãy núi này còn có một số công trình quân sự như Lũy Lâm Ấp, Lũy Ông Ninh. |  |
|  | **Bắc Sơn** | tên gọi từ xa xưa của vùng đất này, đường chính vào làng Bắc Sơn được nhân dân gọi quen từ trước.  |  |
|  | **Nam Sơn** | Tên địa danh có từ xưa của làng Nam Sơn, đây cũng là con đường vào làng nghề thủ công truyền thống chiếu cói Nam Sơn. |  |
|  | **Ngạn Sơn** | Tên gọi từ xưa được nhân dân quen gọi từ trước để chỉ núi Nghèn, đây là địa danh có nhiều di tích lịch sử văn hóa của thị trấn Nghèn. |  |
|  | **Kinh Thượng** | Tên gọi làng cổ Kinh Thượng và di tích lịch sử văn hóa Đền Kinh Thượng.  |  |
|  | **Thượng Trụ** | Bến đò ở xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc là nơi diễn ra Hội nghị thành lập Đảng bộ Hà Tĩnh tháng 3/1930. Hội nghi đã hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng bộ lâm thời tỉnh Hà Tĩnh, cử ra BHC lâm thời do Trần Hữu Thiều (tức Nguyễn Trung Thiên) làm Bí thư tỉnh ủy. |  |
|  | **Cẩm Vân** | Tên địa danh cũ của 2 xã Cẩm Tiến và Cẩm Thăng có từ thời Lê thuộc Thị Trấn Cẩm Xuyên ngày nay, tên gọi Cẩm Vân gắn với tên đường vào làng được sử dụng từ lâu và gắn bó với cuộc sống của nhân dân trong vùng.  |  |
|  | **Giếng Vàng** | Giếng Vàng, tọa lạc tại tổ dân phố 15, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên. Thời vua Minh Mạng (1820-1840), giếng được gọi là Kim Tĩnh, tức Giếng Vàng. Đến triều vua Bảo Đại (1926-1945), Giếng Vàng được trùng tu và tồn tại cho đến nay.  |  |
|  | **Xô Viết Nghệ Tĩnh** | Phong trào đấu tranh của nhân dân Nghệ An và Hà Tĩnh trong năm 1930-1931 chống lại ách thống trị của thực dân Pháp. Tên gọi Xô viết Nghệ Tĩnh xuất phát từ sự hình thành các "Xã bộ nông" “Thôn bộ nông” theo kiểu Xô Viết ở Liên Xô. Phong trào được diễn ra từ tháng 5 năm 1930 đến tháng 8 năm 1931, ở Nghệ An và Hà Tĩnh đã có 97 cuộc bãi công và biểu tình của công nhân và nông dân. Dưới sự chỉ đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương thông qua Xứ ủy Trung Kỳ, đây là cuộc tập dượt đầu tiên chuẩn bị cho cách mạng tháng 8 năm 1945. |  |
|  | **3/2** | Lấy ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam 3/2/1930 để đặt tên 01 tuyến đường. |  |

 **5. Các công trình văn hóa**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN CÔNG TRÌNH** | **LÝ DO SỬ DỤNG** | **GHI CHÚ** |
|  | **Công viên Tuy Phước** | Lấy tên huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đặt tên Công viên tại thị trấn Nghèn để thắt chặt mối quan hệ kết nghĩa giữa hai huyện Can Lộc – Tuy Phước. | Tại huyện Can Lộc |
|  | **Nhà văn hóa Xuân Diệu** | Nhà thơ Xuân Diệu có nhiều đóng góp cho sự nghiệp văn hóa của nước nhà, lấy tên Xuân Diệu đặt tên cho nhà Văn hóa để tôn vinh công trạng của ông. | Tại huyện Can Lộc |
|  | **Quảng trường Hà Huy Tập** | Đặt tên Hà Huy Tập đặt cho Quảng trường nhằm tôn vinh và ghi nhớ người con Cẩm Xuyên đã có công lao đóng góp to lớn cho cách mạng.  | Tại huyện Cẩm Xuyên |
|  | **Quảng trường Hồ Tùng Mậu** | Tên gọi Quảng trường Hồ Tùng Mậu đã được sử dụng từ trước tại Thị trấn Thiên Cầm. | Tại huyện Cẩm Xuyên |

 **II. PHẦN CHƯA SỬ DỤNG ĐỂ ĐẶT TÊN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **TÊN DANH NHÂN, SỰ KIỆN** | **TÓM TẮT TIỂU SỬ, SỰ KIỆN, ĐỊA DANH** | **GHI CHÚ** |
|  | **Hồ Đạo An** | Hồ Đạo An, quê xã Sơn Long, huyện Hương Sơn tham gia quân đội nhà Lê lập được nhiều công lao, được ban đạo sắc phong tôn vinh công trạng, tước Đường Dương Hầu. Ngoài ra, sau khi về quê trí sĩ ông đã có công giúp dân khai khẩn đất đai xây dựng làng Sủng ốc, khi mất được nhân dân lập đền thờ. |  |
|  | **Chu Văn An** | Chu Văn An (1292–1370), quê xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Ông từng đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học tại quê. Ông từng làm tư nghiệp Quốc tử giám, dạy cho Thái tử Trần Vượng, tức là vua Trần Hiến Tông tương lai. Cuối đời, ông về ở ẩn ở núi Phượng Hoàng (Chí Linh, Hải Dương), dạy học và viết sách cho đến khi chết. Ông có nhiều trước tác để lại, như: Tiều ẩn thi tập, Tiều ẩn quốc ngữ thi tập, Giang đình tác. |  |
|  | **Lê Bôi** |  Lê Bôi, quê xã Sơn Diệm, huyện Hương Sơn. Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn, được giao chỉ huy hơn 500 quân lính. Khi Lê Lợi xưng Vương, ông được ban đứng hàng thứ 3 trong 14 liệt hầu, được ban quốc tính, là một trong những khai quốc công thần triều Lê sơ.  |  |
|  | **Nam Cao** | Nam Cao (1917-1951), người xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, là một trong những nhà văn học nổi tiếng nhất đầu thế kỷ XX, với nhiều tác phẩm nổi tiếng như Chí Phèo, Lão Hạc.v.v.. Ông được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I (1996) |  |
|  | **Phan Phúc Cẩn** | Phan Phúc Cẩn, quê xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ, đỗ Tiến sỹ năm (1475). Tên ông được khắc vào văn bia Quốc Tử giám. Ông làm quan đến chức Tham chính xứ Quảng Nam. Ông nổi tiếng là người văn hay chữ tốt, tác phẩm để lại có một số bài thơ trong Nghệ An ký.  |  |
|  | **Nguyễn Từ Chi** | Nguyễn Từ Chi (1925-1995), quê xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, là nhà dân tộc học, nhà nghiên cứu văn hóa, chuyên gia về văn hóa Mường. Ông có bốn công trình nổi tiếng đã được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh, đó là: Cơ cấu tổ chức của làng Việt cổ truyền ở Bắc Bộ" (1984), "Hoa văn Mường" (1978), "Hoa văn các dân tộc Djarai-Bhana" (1986) và "Người Mường ở Hoà Bình" (1995) |  |
|  | **Phan Đình Diệu** | Phan Đình Diệu (1936-2018 ), quê huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là Giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam, được ghi nhận là có công đầu cho sự phát triển ngành tin học tại Việt Nam.  |  |
|  | **Hoàng Diệu** | Hoàng Diệu (1829-1882), quê ở Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, ông đỗ Cử nhân và giữ các chức vụ quan trọng trong triều đình. Thực dân Pháp nổ súng tấn công thành Hà Nội, ông đã chỉ huy quân lính tử thủ đến cùng, khi thành Hà Nội thất thủ, ông đã tự vẫn để bảo toàn khí tiết năm 1882. Hoàng Diệu được thờ trong đền Trung Liệt trên gò Đống Đa.  |  |
|  | **Trần Dực** | Trần Dực, quê thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, ông đỗ Tiến sỹ năm 1502, sau đó được bổ chức Đông Các hiệu thư. Sau khi về trí sĩ ông có công trong việc mở mang thủy lợi, xây cầu cho dân làng góp phần giải quyết nạn úng ngập khi mùa mưa lũ. Dân làng đặt tên là cầu là cầu Thị Lang (tên chức vụ của ông). Hiện nay, cầu vẫn phát huy tác dụng tiêu úng cho hàng trăm ha đồng ruộng của các xã Tùng Ảnh, Đức Yên, Thị Trấn Đức Thọ.  |  |
|  | **Ngụy Khắc Đản** | Ngụy Khắc Đản (1817–1873), quê xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, thi đỗ Tiến sĩ năm (1856). Năm 1863, ông được cử làm Bồi sứ trong phái đoàn của Phan Thanh Giản đi sang Pháp thương thuyết để chuộc lại ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Năm 1864, Ngụy Khắc Đản được thăng làm Bố chính sứ Nghệ An, rồi lần lượt trải các chức: Thượng thư bộ Binh, Thượng thư bộ Công, Viện Cơ mật. |  |
|  | **Trần Nguyên Đán** | Trần Nguyên Đán: Ông làm quan tới chức Đại Tư đồ dưới thời các vua Trần Nghệ Tông, Trần Duệ Tông và Trần Phế Đế, tước Chương Túc quốc thượng hầu. Trần Nguyên Đán là một trong những người đặt nền móng sơ khai cho ngành Thiên văn học ở Việt Nam, đã soạn ra cuốn “Bách thế thông kỉ thư” trong đó ghi chép các nhật nguyệt thực và chuyển động của 5 hành tinh (Thủy, Kim, Hỏa, Mộc, Thổ) từ thời Hồng Bàng đến thời Lý, Trần.  |  |
|  | **Kim Đồng** | Kim Đồng (1929 – 1943) người dân tộc Nùng, xã Trường Hà, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Anh là người đội trưởng đầu tiên của tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, được thành lập ngày 15 tháng 5 năm 1941. Kim Đồng đã cùng đồng đội làm nhiệm vụ giao liên, đưa đón Việt Minh và chuyển thư từ. Trong một lần đi liên lạc, quân Pháp nổ súng vào Kim Đồng ngã xuống ngay bên bờ suối Lê Nin khi vừa tròn 14 tuổi. |  |
|  | **Phạm Văn Đồng** | Phạm Văn Đồng (1906-2000) quê xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông sớm giác ngộ con đường cách mạng vô sản dưới sự dẫn dắt của Nguyễn Ái Quốc. Sau khi đất nước giành được độc lập, ông giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt của chính quyền cách mạng. Ông là Thủ tướng đầu tiên của Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và giữ chức vụ Thủ tướng lâu nhất từ năm 1945 đến nay. |  |
|  | **Hà Huy Giáp** | Hà Huy Giáp (1908-1995), quê xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, khi Đảng cộng sản Việt nam được thành lập, ông được cử làm Bí thư Đặc ủy miền Hậu Giang, Ủy viên Thường vụ Xứ ủy Nam Kỳ. Tháng 5 năm 1933, ông bị đày ra Côn Đảo, sau khi được về đất liền, ông đã Chỉ đạo Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 tại Biên Hoà. Ông từng đảm nhiệm chức vụ Thứ trưởng Bộ Giáo dục Bộ Giáo dục, được bầu vào Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa III. |  |
|  | **Võ Nguyễn Giáp** | Võ Nguyên Giáp (1911-2013) người xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình. Xuất thân trong một gia đình Nho học, sau đó ông theo học Tân học, rồi trở thành một thầy giáo dạy lịch sử. Ông sớm tham gia cách mạng, là người học trò xuất sắc nhất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Võ Nguyên Giáp là một nhà quân sự, Đại tướng đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy thắng lợi các chiến dịch quân sự lớn trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, thống nhất. Võ Nguyên Giáp được xếp vào hàng danh tướng thế giới.  |  |
|  | **Nguyễn Hành** | Nguyễn Hành (1771-1824) quê xã Tiên điền, huyện Nghi Xuân, là người thông kinh sử, giỏi văn chương nhưng không cộng tác với Tây Sơn hay triều Nguyễn, ông sống nghèo khổ và lúc nào cũng ôm ấp tâm sự hoài Lê. Trước tác của ông gồm hai quyên thơ và một quyên ký: Quan đông hải, Minh quyên thi tập, Thiên địa nhân vật sự ký.  |  |
|  | **Hoàng Ngọc Hiến** | Hoàng Ngọc Hiến (1930-2011), quê xã Tùng Ảnh, huyện Đức Thọ. Ông từng là giảng viên tại trường Đại học Sư phạm Vinh, Đại học Văn hóa, Trường Viết văn Nguyễn Du, nhiều năm giữ chức Hiệu trưởng Trường viết văn Nguyễn Du.  |  |
|  | **Nguyễn Hộc** | Nguyễn Hộc, quê xã Thạch Kênh, huyện Thạch Hà. Ông đỗ Đệ nhị giáp Tiến sỹ xuất thân khoa Nhâm Tuất (1442). Ông làm quan đến chức Thượng thư bộ Binh, kiêm Hàn lâm viện thị giảng, tước Hầu.  |  |
|  | **Nguyễn Huy Hổ** | Nguyễn Huy Hổ (1783-1841), quê xã Trường Lộc, huyện Can Lộc. Ông sinh ra trong một gia đình truyền thống khoa bảng và văn chương nhưng không thể nối nghiệp của cha ông. Ông là một thầy thuốc giỏi có tiếng, năm 1823 được vua Minh Mạng triệu vào cung giữ chức Ngự y kiêm Khâm đài Linh đài lang ở Khâm Thiên giám. Trước tác của ông để lại có Sử thi Mai đình mộng ký.  |  |
|  | **Phạm Khắc Hòe** | Phạm Khắc Hòe (1902-1995), quê xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, từng giữ các chức Đổng lý Ngự tiền Văn phòng triều vua Bảo Đại, tham tá Tòa sứ. Từ năm 1940-1944, ông làm quản đạo ở Đà Lạt, đã tổ chức một số người ở quê lập nên "Ấp Nghệ Tĩnh" ở thành phố Đà Lạt. Ông là người kiên trì thuyết phục vua Bảo Đại thoái vị, soạn thảo Chiếu "thoái vị" cho vua Bảo Đại, góp phần làm sụp đổ chế độ phong kiến cuối cùng ở Việt Nam. |  |
|  | **Hồ Xuân Hương** | Hồ Xuân Hương (1772-1822), quê Quỳnh Lưu, Nghệ An là một nữ thi sĩ sống ở giai đoạn cuối thế kỷ XVIII. Tài năng của bà được thể hiện trên lĩnh vực thơ phú, chủ yếu là thơ Nôm. Tác phẩm của bà cho thấy một tư tưởng táo bạo, đối lập với nhiều lễ giáo đương thời qua đó thể hiện được sự bất công của xã hội phong kiến với người phụ nữ.  |  |
|  | **Nguyễn Bật Lãng** | Nguyễn Bật Lãng, quê xã cương Gián, huyện Nghi Xuân. Ông đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ chế khoa năm (1577), làm quan chức Tự Khanh. Sau khi đậu Tiến sĩ, ngoài việc cống hiến tài năng, trí tuệ và sức lực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, sau khi về trí sĩ ông có công mở mang dân trí, phát triển kinh tế, cho nhân dân trong vùng.  |  |
|  | **Trần Đức Mậu** | Trần Đức Mậu, quê xã Ích Hậu, Lộc Hà. Ông đậu Tiến sỹ ở khoa thi Nhân Thìn (1472). Ông cùng với vua Lê Thánh Tông tham gia chinh phạt Chiêm Thành năm 1470, góp phần mở mang bờ cõi giữ vững ổn định biên cương phía nam của Đại Việt. Trần Mậu trải qua các chức vụ như: Hàn lâm viện hiệu lý, Đông các Hiệu thư. |  |
|  | **Trần Đại Nghĩa** | Trần Đại Nghĩa (1913–1997) quê xã Chánh Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, là Thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam, giáo sư, kỹ sư quân sự, nhà khoa học, nhà quản lý khoa học kỹ thuật cấp cao, cha đẻ của ngành công nghiệp quốc phòng Việt Nam. |  |
|  | **Phan Chính Nghị** | Phan Chính Nghị, quê xã Xuân Mỹ, huyện Nghi Xuân, đỗ Hoàng giáp khoa thi năm Tân mùi (1511). Ông làm quan qua các chức Lại bộ Cấp sự trung, Đô Ngự sử. Khi nhà Mạc thay thế nhà Lê, Phan Chính Nghị đã từ quan về quê ở ẩn, lập căn cứ địa ở núi Đăng Sơn, chờ vận hội để khôi phục nhà Lê. Nhà Mạc nhiều lần mời ông ra làm quan, ép ông lên thuyền theo đường biển về kinh để quy phục nhà Mạc. Khi thuyền đi đến địa phận Bát Tràng, ông quay mặt lạy chốn trời nam rồi nhảy xuống sông tuẫn tiết.  |  |
|  | **Nguyễn Khắc Niêm** | Nguyễn Khắc Niêm (1898-1954), quê xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, đậu đệ nhị giáp Tiến sĩ năm (1907), là một đại thần triều Nguyễn, từng làm Giám khảo khoa thi Hội năm 1910 ở Huế, thi Hương năm 1912 ở Bình Định. Sau năm 1945, ông tích cực tham gia công tác kháng chiến kiến quốc tại địa phương: Ủy viên chấp hành Mặt trận Liên Việt, kiêm Trưởng ban cứu trợ thương binh Liên khu 4.  |  |
|  | **Mai Thế Quý** | Mai Thế Quý (1822-1877), quê xã Phù Lưu, huyện Can Lộc. Ông đậu Tiến sỹ năm (1853), trải qua các chức: tri phủ Xuân Hòa, tri phủ Lâm Thao, đô Ngự sử Tuần vũ Tuyên Quang, Đề đốc quân vụ.  |  |
|  | **Nguyễn Tri Phương** | Nguyễn Tri Phương (1800 -1873) quê xã Điền Lộc, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Dưới triều vua Tự Đức, Nguyễn Tri Phương được sung chức Khâm sai Tổng thống Quân vụ Đại thần và Điện hàm Đông các Đại học sĩ, rồi lãnh chức Kinh lược sứ Nam Kỳ. Trong thời gian này, ông có công khai khẩn đất hoang, lập đồn điền đưa dân cư ở các địa phương đến lập nghiệp. Năm 1873, ông là người đã tổ chức giữ Thành Hà Nội sau khi quân Pháp xâm lược và đã hy sinh anh dũng. |  |
|  | **Cao Bá Quát** | Cao Bá Quát (1809-1855), quê xã Phú Thị, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Từ nhỏ Cao Bá Quát đã nổi tiếng thông minh, hay chữ song đường hoạn lộ của ông gian nan trắc trở, nhiều lần bị hạch tội, giam giữ, biếm chức. Ông tham gia khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều đình Huế nhưng thất bại, bị xử án tru di tam tộc. Các di cảo của ông cũng vì thế mà bị tịch thu đem đốt, song số tác phẩm còn lại cũng rất lớn, góp phần làm phong phú nền văn học nước nhà.  |  |
|  | **Phan Đình Tá** | Phan Đình Tá, quê xã Hồng Lộc, huyện Lộc Hà. Ông đỗ Hoàng Giáp khoa thi Kỷ Mùi (1499), từng giữ các chức Thừa chính sứ Nghệ An, Lại bộ Thượng Thư, tước Lan Xuyên Bá. Ông là người viết chiếu nhường ngôi nhà Lê cho nhà Mạc, sau đó được bổ làm Thượng thư, phong tước Hầu. Khi về quê trí sĩ, ông có công trong việc xây dựng các công trình thủy lợi, khai phá kênh, mở đường, mở mang phát triển kinh tế địa phương. |  |
|  | **Phạm Hồng Thái** | Phạm Hồng Thái (1896-1924), người xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Ông là một thanh niên yêu nước, sớm tham gia cách mạng, năm 1924, ông ném bom ám sát Toàn quyền Merlin tại Trung Quốc nhằm chặn đứng âm mưu trục xuất các nhà cách mạng Việt Nam. Tiếng bom Sa Diện của Phạm Hồng Thái đã gây tiếng vang và cổ vũ phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. |  |
|  | **Tô Hiến Thành** | Tô Hiến Thành (1102-1179), quê xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội, là quan đại thần nhà Lý, phụng sự hai triều vua: Lý Anh Tông và Lý Cao Tông. Ông có công tổ chức khai hoang lấn biển các vùng ven biển từ Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An đến Hà Tĩnh ngày nay. Ông làm quan đến chức Nhập nội kiểm hiệu Thái phó bình chương quân quốc trọng sự (Tể tướng).  |  |
|  | **Nguyễn Thiện** | Nguyễn Thiện (1763-1818), quê xã Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, sinh tại phường Bích Câu, Thăng Long. Năm Cảnh Hưng thứ 45, ông đỗ Hương Cống nhưng không ra làm quan. Nguyễn Ánh lên ngôi, xuống chiếu lục dụng cựu thần nhà Lê ra làm quan nhưng Nguyễn Thiện bất hợp tác với nhà Nguyễn. Ông là người đầu tiên nhuận sắc Hoa Tiên nguyên tác của Nguyễn Huy Tự.  |  |
|  | **Nguyễn Tuấn Thiện** | Nguyễn Tuấn Thiện (1401-1494), quê xã Sơn Phúc, huyện Hương Sơn. Ông là một danh tướng, khai quốc công thần triều Lê sơ, là thủ lĩnh, tổ chức đội quân "Cốc Sơn" chống quân Minh. Khi nghĩa quân Lam Sơn tiến vào Đỗ Gia (Hương Sơn ngày nay) ông đã gia nhập nghĩa quân, kết nghĩa anh em cùng Lê Lợi. Sau khi thắng giặc ngoại xâm, ông được phong làm Khai quốc công thần, ban quốc tính, phong làm Tĩnh nạn Tuyên lực Trung liệt Minh nghĩa Khai quốc Công thần Đô Tổng quản phó Nguyên soái, Trung lãng Đại phu Tá phụng Thánh vệ Đại tướng quân, tước Đại Trí Tự. |  |
|  | **Lê Thước** | Lê Thước (1891-1976), quê xã Trung Lễ, huyện Đức Thọ, là một trí thức, nhà giáo dục, nhà biên khảo giai đoạn đầu thế kỷ 20. Ông đỗ Giải nguyên nhưng không ra làm quan, năm 30 tuổi, ông được bổ nhiệm Giáo sư trường Quốc học Vinh. Cách mạng tháng Tám thành công, ông tham gia Hội đồng cố vấn giáo dục và công tác ở Viện Bảo tàng, Bộ Văn hoá, xây dựng thư viện Hán Nôm. |  |
|  | **Đào Tiêu** | Đào Tiêu, quê xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, là trạng nguyên Việt Nam dưới triều Trần. Ông thi đỗ Trại Trạng nguyên khoa thi năm Ất hợi (1275).  |  |
|  | **Trần Bảo Tín** | Trần Bảo Tín, quê thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân. Ông đỗ Đệ nhất giáp Tiến sỹ, khoa thi năm (1511), làm quan đến chức Tả Thị lang bộ Lại. Khi nhà Mạc lên ngôi, ông bỏ quan về ở ẩn trên núi Hành Sơn, dạy học trò. Thời Lê Trung hưng, được phong làm phúc thần, truy tặng Thượng thư.  |  |
|  | **Trần Tĩnh** | Trần Tĩnh, quê thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà. Ông là thủy tổ họ Trần Danh và là người khai khoa của dòng họ. Khoa thi Mậu tuất, niên hiệu Hồng Đức thứ 9 (1478) ông đậu Đệ Tam giáp Đồng tiến sỹ. Khi làm quan là người thanh liêm chính trực, có dũng khí, làm quan đến chức Giám sát Ngự sử, cơ quan chuyên trách việc can gián nhà vua và giám sát các quan.  |  |
|  | **Ngô Tất Tố** | Ngô Tất Tố (1894- 1954) quê xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội. Ông là nhà văn, nhà báo với nhiều tác phẩm nổi tiếng theo chủ nghĩa hiện thực, tác phẩm của Ngô Tất Tố như Tắt Đèn, Lều Chỏng.v.v…đã lột tả đời sống cơ cực của người dân thời Pháp thuộc.  |  |
|  | **Trần Danh Tố** | Trần Danh Tố (1713 -?) quê thị trấn Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh, đỗ Đệ tam giáp Tiến sỹ xuất thân (1746). Ông làm quan chức Cấp sự trung dưới triều Hậu Lê. |  |
|  | **Trần Nhân Tông** | Trần Nhân Tông (1258-1308), là vị hoàng đế thứ ba của hoàng triều Trần. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, sau đó làm Thái Thượng hoàng. Ông là một vị vua anh minh, có nhiều đóng góp cho sự phát triển bền vững của Đại Việt, bảo vệ độc lập, mở mang bờ cõi đất nước. Ông còn là một Thiền sư lớn của Phật giáo Việt Nam thời Trung đại.  |  |
|  | **Hà Công Trình** | Hà Công Trình, quê xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc đỗ Tiến sĩ năm 1466, đời vua Lê Thánh Tông. Hà Công Trình làm đến Thượng thư ở các bộ Binh, Hình, Công; Nhập thị Kinh Diên (giảng kinh sách cho vua) và kiêm chức Tế tửu Quốc Tử Giám. Khi về quê trí sĩ, ông mở trường dạy học, học trò theo học rất đông và đỗ đạt cao.  |  |
|  | **Nguyễn Văn Trình** | Nguyễn Văn Trình (1872 – 1949), quê xã Thanh Lộc, huyện Can Lộc, năm Mậu Tuất (1898) ông thi Hội và đỗ Tiến sỹ. Ông trải qua nhiều chức vụ: Tri phủ Hưng Nguyên, tri phủ Anh Sơn, Tả Thị Lang bộ Hình. Cách mạng tháng 8 thành công, ông tham gia các hoạt động kiến quốc ở xã, huyện, tỉnh, được cử làm Chủ tịch mặt trận Liên Việt tỉnh, Ủy viên khu hội liên khu IV.  |  |
|  | **Nguyễn Văn Trỗi** | Nguyễn Văn Trỗi (1940 – 1964) quê huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, người đã thực hiện cuộc đánh bom nhằm vào phái đoàn quân sự do Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Robert McNamara và Đại sứ Henry Cabot Lodge, Jr. đến thị sát Sài Gòn vào năm 1963. Nguyễn Văn Trỗi bị kết án tử hình năm 1964.  |  |
|  | **Hoàng Trừng** | Hoàng Trừng, quê ở xã Đức Nhân, huyện Đức Thọ, đỗ Tiến sỹ ứng chế đệ nhất khoa thi năm (1499), làm đến Tả thị lang bộ Lễ kiêm Hàn công Hàn lâm viện, sau được phong tước Lộc Trạch hầu. Trước tác ông để lại không nhiều, chỉ còn bài ký Nghĩa sĩ truyện, hai bài thơ Thuật ý và Đề nghĩa sỹ từ đường.  |  |
|  | **Nguyễn Tuân** | Nguyễn Tuân (1910-1987) quê phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông là một tác giả lớn của nền văn học nước nhà với những tác phẩm văn học như: Vang bóng một thời, Tùy bút sông Đà.v.v... Ông được Nhà nước Việt Nam truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật đợt I. |  |
|  | **Lê Tuấn** | Lê Tuấn (1817-1874), quê xã Kỳ Văn, huyện Kỳ Anh, đậu Tiến sỹ năm 1853, từng giữ các chức vụ Hàn lâm viện tu soạn, Giám sát Ngự sử, Thượng thư bộ Hình, Thượng Thư bộ Công. Ông là người được giao hai lần đi sứ sang Trung Quốc và đi sứ sang Pháp vào giữa thế kỷ 19 để đòi lại đất Nam Kỳ. |  |
|  | **Ngụy Khắc Tuần** | Ngụy Khắc Tuần (1799-1854), quê xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, đỗ Tiến sỹ năm (1826). Ông nổi tiếng là người thanh liêm, làm quan đến chức Thượng thư bộ Hộ, kiêm Tổng tài Quốc sử quán, được tặng hàm Hiệp biện Đại học sĩ.  |  |
|  | **Tôn Thất Tùng** |  Tôn Thất Tùng (1912-1982), là một bác sĩ nổi tiếng ở Việt Nam và thế giới về lĩnh vực gan và giải phẫu gan. Ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, Viện sĩ Viện Hàn lâm Y học Liên Xô, Hội viên Hội quốc gia những nhà phẫu thuật Cộng hòa Dân chủ Đức, Viện sĩ Viện Hàn lâm Phẫu thuật Paris, Hội viên Hội các nhà phẫu thuật Lyon (Pháp), thành viên Hội Quốc gia các nhà phẫu thuật Algieri. Ông tác giả của "Phương pháp cắt gan khô" hay "Phương pháp Tôn Thất Tùng" nổi tiếng. |  |
|  | **Trần Cao Vân** | Trần Cao Vân (1866-1916) quê huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ông tham gia Quang Phục hội và một trong những lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa chống Pháp tại Trung Kỳ. Năm 1916, ông mưu đồ đưa vua Duy Tân ra vùng Quảng Nam phát động phong trào chống Pháp nhưng kế hoạch thất bại và bị xử án chém.  |  |
|  | **Chế Lan Viên** | Chế Lan Viên (1920-1989), là nhà thơ, nhà văn nổi tiếng ở Việt Nam. Từ năm 1963 ông là Ủy viên thường vụ Hội nhà văn Việt Nam, Ủy viên Ban thư ký Hội nhà văn Việt Nam, đại biểu Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hòa các khóa IV, V và VI, ủy viên Ban văn hóa - giáo dục của quốc hội.  |  |
|  | **Nguyễn Khắc Viện** | Nguyễn Khắc Viện (1913-1997), quê xã Sơn Hòa, huyện Hương Sơn, là một bác sĩ, nhà hoạt động văn hóa. Trong thời gian làm việc tại Pháp, ông đã nghiên cứu và quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, phản đối chiến tranh của thực dân Pháp và Hoa Kỳ tại Đông Dương. Ông là người lãnh đạo phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp. Năm 1963, vì tham gia phong trào cộng sản, ông bị trục xuất ra khỏi nước Pháp. Năm 1992, ông được trao giải thưởng Nhà nước Việt Nam và Grand prix de la Francophonie của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp. Ông để lại nhiều công trình nghiên cứu về Y học cho Việt Nam.  |  |
|  | **Lương Thế Vinh** | Lương Thế Vinh (1441 - 1496), quê huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, thường gọi là Trạng Lường, là một nhà Toán học, Phật học, nhà thơ thời Lê sơ. Ông đỗ Trạng nguyên dưới triều Lê Thánh Tông và làm việc tại Viện Hàn Lâm. Ông là một trong 28 nhà thơ của hội Tao Đàn do vua Lê Thánh Tông lập năm 1495. |  |
|  | **Đồng Lộc** | Ngã Ba Đồng Lộc, xã Đồng Lộc, huyện Can Lộc, nằm trên hệ thống đường mòn Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, là giao điểm của quốc lộ 15A và tỉnh lộ 2 của Hà Tĩnh. Đây là một trong những điểm giao thông quan trọng trong chiến tranh, nên quân đội Hoa Kỳ đã tập trung nhiều máy bay thả bom nhằm cắt đứt đường tiếp tế của miền Bắc cho chiến trường miền Nam. Di tích Ngã Ba Đồng Lộc là một điểm trong hệ thống di tích Đường Trường Sơn - Hồ Chí Minh đã được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt |  |
|  | **Ngàn Hống** | Ngàn Hống là tên Nôm của núi Hồng Lĩnh, danh sơn này gắn với nhiều sự kiện lịch sử, văn hóa của Xứ Nghệ, núi Hồng Lĩnh còn gắn với truyền thuyết kinh đô Việt Thường và danh sơn Hồng Lĩnh được triều Nguyễn khắc lên Cửu đỉnh.  |  |
|  | **Vũ Môn** | Thác Vũ Môn, tọa lạc trên dãy núi Giăng Màn (hay còn gọi là Khai Trướng), phía Tây Nam huyện Hương Khê ở độ cao 1.700m. Thác Vũ Môn trông như một dải lụa trắng vắt qua núi, tiếng nước chảy ngân vang như tiếng hát của ngọn thác giữa núi rừng. Thác gắn với truyền thuyết hàng năm cá Chép đi thi vượt thác Vũ Môn để được hóa Rồng. |  |

 **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**